

PHỤ LỤC II

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU THANH NIÊN XUNG PHONG KHÁC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN SAU 1975

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNV-XDCQ&CTTN ngày /7/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên đơn vị TNXP	Số lượng TNXP	Giới tính		Tình trạng hiện nay			Độ tuổi khi tham gia TNXP (từ 18 đến 30 tuổi)	Thời gian tham gia TNXP						Số TNXP đã được hưởng chế độ, chính sách tại thời điểm thực hiện NV và khi hoàn thành NV	Số TNXP đã được giải quyết chế độ chính sách từ năm 1999 đến nay							Số TNXP chưa được hưởng chế độ, chính sách (người)	
			Nam	Nữ	Còn sống	Đã từ trần			Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm đến dưới 5 năm	Từ 5 năm đến dưới 7 năm	Từ 7 năm đến dưới 10 năm	Chưa xác định		Thương binh/ bệnh binh/ người hưởng chính sách như TB	Liệt sĩ	Huân huy chương	Trợ cấp 1 lần	Chế độ trợ cấp hàng tháng	Chính sách bảo hiểm y tế	Văn bản áp dụng giải quyết chế độ, chính sách		
						Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ	Sau khi kết thúc nhiệm vụ																	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
I	Giai đoạn sau 30/4/1975 đến tháng 9/1978 (trước khi có chỉ thị số 460-TTG)																							
	Tổng đội TNXP Phú Khánh	746	544	202	704	1	41	741	115	307	60	6	3	249	16			1	4		3	Quyết định số 62/2011	725	
II	Giai đoạn từ tháng 10/1978 đến 31/12/1986 (sau khi có Chỉ thị số 460-TTG của Thủ tướng chính phủ cho đến trước khi thực hiện đường lối đổi mới năm 1986)																							
	Tổng đội TNXP Phú Khánh	451	279	172	442	0	3	284	33	177	117	2	7	115	25				38		38	Quyết định số 62/2011 - Hưu trí	411	

